

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 7 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Việt Oanh

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Thanh V – Sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: xxx đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng N – Sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: xxx đường A, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa - Nguyên đơn ông Bùi Thanh V trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Mộng N có tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/1992 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không cùng ý chí hay cãi nhau. Xét thấy tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông V được ly hôn với bà N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau ông Bùi Thanh V và bà Nguyễn Thị Mộng N có 02 con chung là cháu Bùi Đức D - Sinh ngày 20/12/1993 và cháu Bùi Thị Thảo L - Sinh ngày 28/7/2001. Hiện hai cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Thanh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 06/5/2020 và tại phiên tòa - Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng N trình bày: Bà và ông Bùi Thanh V tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 20/12/1992 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là không hợp nhau. Hiện nay ông bà đã sống ly thân. Tuy nhiên ông V làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì bà N có ý kiến đồng ý nhưng phải có điều kiện về việc phân chia tài sản thì bà N mới đồng ý ký thủ tục ly hôn với ông V.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau bà Nguyễn Thị Mộng N và ông Bùi Thanh V có 02 con chung là cháu Bùi Đức D - Sinh ngày 20/12/1993 và cháu Bùi Thị Thảo L - Sinh ngày 28/7/2001. Hiện hai cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có đơn yêu cầu về việc phân chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Bùi Thanh V yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Mộng N, nơi cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Thanh V và bà Nguyễn Thị Mộng N tự nguyện tìm hiểu, đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/1992 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông Bùi Thanh V và bà Nguyễn Thị Mộng N chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa hai người bất đồng quan điểm, không cùng quan điểm trong cuộc sống. Do đó ông V đã nộp đơn đề nghị giải quyết xin ly hôn với bà N. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bà N vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, nơi ông Bùi Thanh V, và nơi bà Nguyễn Thị Mộng N chung sống. Đại diện chính quyền địa phương cho

biết: “Hiện ông V đang cư trú tại địa chỉ phường T còn bà Nguyễn Thị Mộng N hiện cư trú tại phường T1. Hiện hai người chung sống không cùng nhau, việc ông V làm đơn đề nghị xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật”.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Mộng N có ý kiến đồng ý ký thủ tục ly hôn với ông V nhưng ông V phải bàn giao tài sản cho bà N quản lý sử dụng thì bà N mới đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử đã giải thích cho bà N về việc trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không yêu cầu về việc phân chia tài sản, bị đơn không có đơn yêu cầu đối với vấn đề tài sản. Tại phiên tòa bị đơn có yêu cầu thỏa thuận về việc phân chia tài sản nhưng không có đơn yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét đối với yêu cầu của bị đơn. Hội đồng xét xử đã giải thích nhưng bà N không đồng ý nếu không phân chia được tài sản bà vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ký thủ tục ly hôn với ông V. Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Hiện hai người đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau, từ đó cho thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Bùi Thanh V, cho ông V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mộng N.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau bà Nguyễn Thị Mộng N và ông Bùi Thanh V có 02 con chung là cháu Bùi Đức D - Sinh ngày 20/12/1993 và cháu Bùi Thị Thảo L - Sinh ngày 28/7/2001. Hiện các cháu đều đủ tuổi trưởng thành, việc các cháu ở với ai là quyền của các cháu. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Thanh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Bùi Thanh V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định, bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.
Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bùi Thanh V

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Thanh V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mộng N.

2. Về con chung: Các cháu Bùi Đức D - Sinh ngày 20/12/1993 và cháu Bùi Thị Thảo L - Sinh ngày 28/7/2001, hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Bùi Thanh V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Bùi Thanh V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0007687 ngày 22/4/2020 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- UBND xã H, Tp. BMT
- T. Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Cúc